

**Mẫu 01****GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP – CÂY,  
CON GIỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngày 30 tháng 03 năm 2026

(ĐVT: đ/kg)

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
<b>I</b>	<b>CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN TẠI CHỢ</b>			Giá bán lẻ
1	Lúa Khang Dân	Loại 1	9.500	
2	Gạo Khang Dân	Loại 1	13.000	
3	Lúa bắc thơm	Loại 1	14.000	
4	Gạo bắc thơm	Loại 1	18.000	
5	Gạo J02	Loại 1	20.000	
6	Lúa BC15	Loại 1	12.000	
7	Gạo BC15	Loại 1	16.000	
8	Gạo Điện Biên	Loại 1	20.000	
9	Gạo tám Hải Hậu	Loại 1	21.000	
10	Gạo tám Thái	Loại 1	24.000	
11	Gạo nếp cái hoa vàng	Loại 1	35.000	
12	Gạo nếp cẩm	Loại 1	32.000	
13	Lúa nếp 97	Loại 1	19.500	
14	Gạo nếp 97	Loại 1	25.500	
15	Đậu tương	Loại 1	31.500	
16	Đậu xanh có vỏ	Loại 1	50.000	
17	Lạc nhân	Loại 1	70.000	
18	Đậu đen	Loại 1	55.000	
19	Ngô hạt	Loại 1	8.500	
<b>II</b>	<b>GIÁ CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>			Giá bán lẻ
1	Đạm	Loại 1	17.000	
2	Lân	Loại 1	8.000	
3	Kali	Loại 1	14.000	
4	NPK	Loại 1	9.000	
<b>III</b>	<b>GIÁ CÁC MẶT HÀNG CÂY , CON GIỐNG</b>			Giá bán lẻ
	<b>Lúa giống</b>			
1	Giống lúa Thiên ưu 8	Loại 1	36.000	
2	Giống lúa khang dân	Loại 1	25.000	
3	Giống lúa nếp 97	Loại 1	27.000	
4	Giống lúa Bắc Thơm số 7	Loại 1	25.000	
5	Giống lúa Bắc Thơm KBL	Loại 1	30.000	
6	TBR 225	Loại 1	45.000	
7	VNR20	Loại 1	40.000	
	<b>Giống cây ăn quả</b>			Giá bán lẻ



TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
1	Cây mít	Loại 1	Không có	
2	Cây Xoài (Cát, Đài Loan,..)	Loại 1	Không có	
3	Cây Na Thái	Loại 1	Không có	
4	Cây nhãn	Loại 1	Không có	
5	Cây bưởi Diễn	Loại 1	Không có	
6	Cây bưởi da xanh	Loại 1	Không có	
7	Cây ổi Đài Loan	Loại 1	Không có	
8	Cây chanh tứ quý, không hạt	Loại 1	Không có	
	<b>Lợn giống</b>			
1	Lợn giống (7-8kg/con)	Loại 1	2.050.000	
	<b>Vịt giống</b>			
1	Siêu thịt Orvia	Loại 1	Không có	
2	Vịt Cherry Valley	Loại 1	Không có	
3	Vịt Subơ	Loại 1	Không có	
4	Bầu cánh trắng	Loại 1	Không có	
	<b>Ngan giống các loại</b>			
1	Ngan đực (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
2	Ngan cái (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
	<b>Gà giống các loại</b>			
1	Gà ri (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
2	Gà ri lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
3	Gà mía (1 ngày tuổi)	Loại 1	15.000	
4	Gà mía lai (1 ngày tuổi)	Loại 1	11.000	
5	Lai chọi (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
6	Đông tảo (1 ngày tuổi)	Loại 1	Không có	
IV	<b>GIÁ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN</b>			
1	Cám cá các loại	Loại 1	537.000	
2	Cám gà các loại	Loại 1	367.000	
3	Cám lợn các loại	Loại 1	312.000	
4	Cám vịt các loại	Loại 1	272.000	
V	<b>GIÁ THUỐC THÚ Y</b>			
1	Vaccin Đậu gà ( Liều 1000)	Loại 1	210.000	
2	Vaccin Newcastle ( Liều 1000)	Loại 1	250.000	
3	Vacin 3 bệnh gà đẻ ( Liều 1000)	Loại 1	1.850.000	
4	Vaccin GumIBD ( Liều 1000)	Loại 1	210.000	
5	Vaccin sổ mũi truyền nhiễm ( Liều 1000)	Loại 1	995.000	

ON  
ING T  
CH V  
NG F  
★

Mẫu 02

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM  
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Ngày 30 tháng 3 năm 2025*

*(ĐVT: đ/kg)*

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
1	Thịt lợn hơi	Loại 1	63.000	Giá bán lẻ
2	Thịt lợn mỡ sấn	Loại 1	95.000	
3	Thịt lợn nạc than	Loại 1	110.000	
4	Thịt lợn ba chỉ	Loại 1	125.000	
5	Thịt bò than	Loại 1	250.000	
6	Thịt bò mỡ	Loại 1	240.000	
7	Gà ta hơi	Loại 1	110.000	Gà trống
8	Gà ta nguyên con làm sẵn	Loại 1	140.000	
9	Gà công nghiệp hơi	Loại 1	45.500	
10	Gà CN nguyên con làm sẵn	Loại 1	65.000	
11	Vịt hơi	Loại 1	50.000	
12	Vịt nguyên con làm sẵn	Loại 1	70.000	
13	Ngan hơi	Loại 1	60.000	
14	Ngan nguyên con làm sẵn	Loại 1	85.000	
15	Trứng gà ta (quả)	Loại 1	3.000	
16	Trứng gà Ai Cập (quả)	Loại 1	2.200	
17	Trứng chim cú (10 quả)	Loại 1	6.000	
18	Trứng vịt (quả)	Loại 1	2.500	
19	Cá chép > 2kg	Loại 1	70.000	
20	Cá trắm > 3 kg	Loại 1	60.000	
21	Cá quả	Loại 1	90.000	
22	Ngao	Loại 1	26.000	
23	Tôm đồng	Loại 1	180.000	
24	Cua đồng	Loại 1	150.000	

**Mẫu 03****GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ  
TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI***Ngày 30 tháng 3 năm 2026**(ĐVT: đ/kg)*

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
1	Cam sành	Loại 1	25.000	Giá bán lẻ
2	Dưa hấu miền nam	Loại 1	18.000	
3	Vải	Loại 1	Không có	
4	Chanh leo	Loại 1	36.000	
5	Mận hậu	Loại 1	Không có	
6	Mãng cụt	Loại 1	Không có	
7	Chôm chôm	Loại 1	50.000	
8	Bơ	Loại 1	30.000	
9	Táo Mỹ	Loại 1	120.000	
10	Nho xanh	Loại 1	110.000	
11	Bưởi da xanh	Loại 1	50.000	
12	Thanh long ruột đỏ	Loại 1	35.000	
13	Quả Roi	Loại 1	40.000	
14	Na Miền Nam	Loại 1	Không có	
15	Xoài Cát chu	Loại 1	40.000	
16	Hồng Xiêm	Loại 1	25.000	
17	Nhãn miền Nam	Loại 1	32.000	
18	Vú sữa	Loại 1	40.000	
19	Khoai tây	Loại 1	14.000	
20	Bí xanh	Loại 1	10.000	
21	Rau bí	Loại 1	8.000	
22	Bắp cải	Loại 1	8.000	
23	Cà chua	Loại 1	6.000	
24	Đậu cove	Loại 1	15.000	
25	Quả su su	Loại 1	8.000	
26	Dưa chuột	Loại 1	12.000	
27	Ngọn su su	Loại 1	Không có	

TT	Mặt hàng và quy cách	Loại	Giá tại chợ Sơn Tây	Ghi chú
28	Rau muống	Loại 1	10.000	
29	Cải ngọt	Loại 1	8.000	
30	Hoa hồng đỏ (bông)	Loại 1	3.500	
31	Hoa lily hồng (cành)	Loại 1	12.000	
32	Hoa cúc nhật (bông)	Loại 1	3.000	

**Người thu thập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lan

**Đỗ Thu Lan**

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ TỔNG HỢP**  
**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**Nguyễn Đăng Thọ**